

Số: 102/2019/QĐST-HNGĐ

D, ngày 02 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B.

2. Ông Đỗ Văn U, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn U thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong việc về hôn nhân gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn U được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện, tỉnh B là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Đỗ Văn Ú.

- Về con chung: Có các con chung gồm: Đỗ Thị Tố U, sinh năm 1986; Đỗ Thị Thúy Q, sinh năm 1988 và Đỗ Thị Thúy O, sinh năm 1990. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị G tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031454 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh B;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Tạo